

Số: 1038/QĐ-ĐHTĐHN/TS25

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều trong Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Nghị Quyết số 04/NQ-HĐT ngày 02/01/2025 của Hội đồng trường Đại học Thủ đô Hà Nội về phương hướng tuyển sinh trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học ngày 13/6/2025;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh vừa làm vừa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học năm 2025 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Điều 2. Thông tin tuyển sinh được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học năm 2025, các đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- HĐTSVLVH năm 2025;
- Trung tâm TTTV&HL (đăng Website);
- Lưu: VT, TTBDNN&ĐGNL.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Hồng Cường



THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025 (Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-ĐHTĐHN ngày 13/6/2025 của
Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HNM
3. Địa chỉ các trụ sở:
 - Trụ sở chính: Số 98 phố Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
 - Cơ sở 2: Xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.
 - Cơ sở 3: Số 6 phố Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP Hà Nội.
 - Cơ sở 4: Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: Website: <http://hnmu.edu.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://hnmu.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc>
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo
<https://hnmu.edu.vn/3-cong-khai-ve-dam-bao-chat-luong-giao-duc>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức): Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có thể quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng kí dự tuyển, Trường xem xét trong khả năng cho phép để thí sinh đăng

ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT (Năm 2025).

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ).

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

1.3.1. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện theo các quy định hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

1.3.2. Ngưỡng đầu vào

*** Đối với xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT**

- Các ngành ngoài sư phạm được xác định ngưỡng đầu vào tương đương với các ngành tuyển sinh chính quy hoặc ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

- Các ngành đào tạo giáo viên được xác định theo ngưỡng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định đối với tuyển sinh chính quy các ngành sư phạm. Riêng đối với ngành Giáo dục thể chất: Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi tuyển năng khiếu tại cơ sở giáo dục mà thí sinh đăng ký dự tuyển.

*** Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập bậc THPT**

- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc kết quả học tập khối kiến thức văn hóa (chỉ xét tuyển với đối tượng đã tốt nghiệp THPT).

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên: thí sinh phải đạt kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Riêng đối với ngành Giáo dục thể chất, thí sinh phải đạt kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá trở lên).

- Các ngành ngoài sư phạm được xác định ngưỡng đầu vào tương đương với các ngành tuyển sinh chính quy hoặc ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	168	- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT với Tổ hợp XT: D01, C03, C04, C14. - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ) với Tổ hợp XT: D01, C03, C04, C14.	
2	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	21	- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT với Tổ hợp XT: A00, A01, A02, C01. - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ) với Tổ hợp XT: A00, A01, A02, C01.	
3	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	21	- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT với Tổ hợp XT: C00, D01, C03, C04, C14. - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ) với Tổ hợp XT: C00, D01, C03, C04, C14.	
4	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	100	- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT với Tổ	

						hợp XT: D01, C03, C04, C14. - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ) với Tổ hợp XT: D01, C03, C04, C14.	
5	7140206	Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	36	- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT với Tổ hợp XT: T00, T01, T02, T08. - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ) với Tổ hợp XT: T00, T01, T02, T08.	
6	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	53	- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT với Tổ hợp XT: D04, D65, D45, D71. - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ) với Tổ hợp XT: D04, D65, D45, D71.	
Tổng					399		

Quy định về tổ hợp môn:

- Các môn trong tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Vật lí, Hóa học

A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh

A02: Toán, Vật lí, Sinh học

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

C14: Ngữ văn, Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung

D45: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung

D65: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung

D71: Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế pháp luật, Tiếng Trung

T00: Toán, Sinh, Năng khiếu thể dục thể thao

T01: Toán, Văn, Năng khiếu thể dục thể thao

T02: Văn, Sinh, Năng khiếu thể dục thể thao

T08: Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Năng khiếu thể dục thể thao

- Đối với phương thức xét kết quả thi THPT (phương thức 1): Với các tổ hợp môn có môn ngoại ngữ, thí sinh có thể thay thế tiếng Anh bằng tiếng Trung Quốc hoặc ngược lại.

- Đối với phương thức xét học bạ lớp 12 bậc THPT (phương thức 2): Với các tổ hợp môn có môn ngoại ngữ, thí sinh có thể dùng các ngoại ngữ khác thay thế cho môn Tiếng Anh.

- Đối với tổ hợp có môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật được thay thế với môn Giáo dục công dân theo chương trình giáo dục phổ thông 2006.

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

1.5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Thí sinh được đăng ký nguyện vọng tối đa là 03 ngành, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất;

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Nhà trường ưu tiên thí sinh có tổng điểm 3 môn chưa cộng điểm ưu tiên, chưa cộng điểm khuyến khích cao hơn. Trường hợp thí sinh vẫn bằng điểm, nhà trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn; Trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Nhà trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo.

- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển và đăng ký dự thi. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin đăng ký xét tuyển và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

- Đối với phương thức xét học bạ lớp 12 bậc THPT và phương thức xét kết quả thi THPT, Trường ĐH Thủ đô Hà Nội công nhận kết quả điểm các môn học

hoặc thi của chương trình giáo dục phổ thông 2006 và chương trình giáo dục phổ thông 2018 là tương đương nhau.

1.5.2. *Điểm cộng*: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội không quy định điểm cộng.

1.5.3. *Cách tính điểm xét tuyển*

Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Điểm thành phần trong tổ hợp xét tuyển là điểm thi tốt nghiệp THPT của thí sinh thuộc tổ hợp xét tuyển tương ứng:

Điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ).

Đối với phương thức xét kết quả học tập bậc THPT, điểm xét tuyển là điểm cả năm lớp 12 của từng môn học tương ứng thuộc tổ hợp xét tuyển:

Điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$.

1.5.4. *Đối với thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục thể chất*

a) Thí sinh được sử dụng kết quả thi tuyển năng khiếu tại cơ sở giáo dục mà thí sinh đăng ký dự tuyển theo hình thức chính quy.

Cách tính điểm môn năng khiếu TDTT:

Điểm thi năng khiếu TDTT = (điểm Tại chỗ bật xa + điểm Chạy con thoi)/2

Điểm thi năng khiếu TDTT được làm tròn một lần đến hai chữ số thập phân khi tính điểm trung bình của 2 môn thi năng khiếu.

b) Điều kiện được miễn thi năng khiếu (NK)

- Vận động viên cấp 1; kiện tướng cấp quốc gia, thí sinh đoạt huy chương vàng, đạt giải nhất TDTT cấp tỉnh trở lên được tổ chức một lần trong năm được miễn thi môn NK và được hưởng 10,0 điểm môn NK; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

- Vận động viên cấp 2 quốc gia; thí sinh đoạt huy chương bạc; đạt giải nhì cấp tỉnh trở lên được tổ chức một lần trong năm được miễn thi môn NK và được hưởng 9,5 điểm môn NK; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

- Thí sinh đoạt huy chương đồng; đạt giải ba cấp tỉnh trở lên được tổ chức một lần trong năm được miễn thi môn NK và được hưởng 9,0 điểm môn NK; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

1.5.5. Các thông tin khác

- Thời gian để sinh viên hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo của hệ VLVH dài hơn thời gian đào tạo hệ chính quy tối thiểu là 20%.

- Nhà trường tổ chức đào tạo hệ VHVL vào thời gian ngoài giờ hành chính.

1.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển.

a. Quy định về hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường).
- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao công chứng).
- Học bạ THPT (bản sao công chứng).
- Kết quả thi THPT (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT).

- Căn cước công dân (bản sao công chứng).

- 02 ảnh 4 x 6 (ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng ký dự thi ở mặt sau).

b. Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thời gian nộp hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

1.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm, dự kiến như sau:

- Đợt 1: 7/2025;

- Đợt 2: 8/2025;

- Đợt 3: 10/2025;

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

1.9. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

1.10. Học phí dự kiến:

- Áp dụng theo Quyết định số 796/QĐ-ĐHTĐHN ngày 06/5/2025 Về mức thu học phí năm học 2025-2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

1.10.1. Mức học phí theo tín chỉ

TT	Khối ngành	Mức học phí (nghìn đồng/tín chỉ)
1	KN I: Khoa học GD và đào tạo giáo viên	513,45
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	513,45
3	KN V: Toán, CNTT, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật	597,45
4	KN VII: Nhân văn, KHXH và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	546,00

1.10.2. Mức học phí theo niên chế

TT	Khối ngành	Mức học phí (nghìn đồng/tín chỉ)
1	KN I: Khoa học GD và đào tạo giáo viên	1.669,50
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.669,50
3	KN V: Toán, CNTT, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật	1.942,50
4	KN VII: Nhân văn, KHXH và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.774,50

1.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển

- + Website trường: <https://hnmu.edu.vn>.
- + Website Trung tâm: <https://cpdca.hnmu.edu.vn>
- + Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnmu.edu.vn>.
- + Điện thoại: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).
- + Email: ttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnmu.edu.vn.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học theo thông báo và phải trình nộp bản gốc bằng tốt nghiệp THPT để kiểm tra. Hết thời hạn xác nhận nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa học vừa làm đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành nghề tương ứng với ngành đăng ký dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng kí dự tuyển, Trường xem xét trong khả năng cho phép để thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: Dựa vào kết quả học tập của bậc trung cấp, cao đẳng các ngành tương ứng với ngành đăng ký xét tuyển.

2.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

2.3.1. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3.2. Ngưỡng đầu vào

- Đối với thí sinh đăng kí dự tuyển các ngành đào tạo giáo viên, ngưỡng đầu vào của thí sinh được áp dụng một trong các tiêu chí sau đây:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá trở lên) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Đối với người đã được tuyển sinh hoặc đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên trước ngày 7/5/2020 khi học liên thông để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72, Luật Giáo dục năm 2019, điểm trung bình chung học tập toàn khóa (thang điểm 10) được thể hiện trong bảng điểm/sổ học tập trình độ trung cấp, cao đẳng của thí sinh phải đạt từ trung bình trở lên.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu liên thông (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
----	--------------	---	----------------------	-----------------------	-------------------------------	------------------------	---------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	40	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ trung cấp, cao đẳng đối với người học liên thông (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).	
2	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	25	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ trung cấp, cao đẳng đối với người học liên thông (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).	
Tổng					65		

2.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Thời gian để sinh viên hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo của hệ VLVH dài hơn thời gian đào tạo hệ chính quy tối thiểu là 20%.

- Nhà trường tổ chức đào tạo hệ VHVL vào thời gian ngoài giờ hành chính.

2.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển.

a. Quy định về hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường).
- Bằng tốt nghiệp Trung cấp/Cao đẳng/Đại học (bản sao công chứng).
- Bảng điểm tốt nghiệp Trung cấp/Cao đẳng/Đại học (bản sao công chứng).
- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao công chứng).
- Học bạ THPT nếu cần (bản sao công chứng).
- Căn cước công dân (bản sao công chứng).
- 02 ảnh 4 x 6 (ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng ký dự thi ở mặt sau).
- Giấy xác nhận của cơ quan đơn vị công tác theo mẫu (đối với thí sinh là giáo viên đang làm việc ở các nhà trường).

b. Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thời gian nộp hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

2.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm; dự kiến như sau:

- Đợt 1: 7/2025;
- Đợt 2: 8/2025;
- Đợt 3: 10/2025;

2.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

2.9. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

2.10. Học phí dự kiến:

- Áp dụng theo Quyết định số 796/QĐ-ĐHTĐHN ngày 06/5/2025 Về mức thu học phí năm học 2025-2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2.10.1. Mức học phí theo tín chỉ

TT	Khối ngành	Mức học phí (nghìn đồng/tín chỉ)
1	KN I: Khoa học GD và đào tạo giáo viên	513,45
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	513,45
3	KN V: Toán, CNTT, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật	597,45
4	KN VII: Nhân văn, KHXH và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	546,00

2.10.2. Mức học phí theo niên chế

TT	Khối ngành	Mức học phí (nghìn đồng/tín chỉ)
1	KN I: Khoa học GD và đào tạo giáo viên	1.669,50
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.669,50
3	KN V: Toán, CNTT, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật	1.942,50
4	KN VII: Nhân văn, KHXH và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.774,50

- Đối với các lớp nâng chuẩn theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP: mức học phí theo hợp đồng với các địa phương và theo quy định mức học phí của Trường.

2.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển

+ Website trường: <https://hnmu.edu.vn>.

+ Website Trung tâm: <https://cpdca.hnmu.edu.vn>

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnmu.edu.vn>.

+ Điện thoại: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).

+ Email: tttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnmu.edu.vn.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học theo thông báo và phải trình nộp bản gốc bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng để kiểm tra. Hết thời hạn xác nhận nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

3. Tuyển sinh đào tạo đại học văn bằng 2 hình thức vừa học vừa làm

3.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc: Người có bằng tốt nghiệp Đại học (khác ngành với ngành đăng ký dự tuyển). Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Đối với ngành Sư phạm Toán học: Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc các lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đối với các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm được cấp trước ngày 22/5/2021 phải do các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng cấp.

3.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: Dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng thứ nhất mà thí sinh đã tốt nghiệp.

3.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.3.1. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3.2. Ngưỡng đầu vào

Điểm trung bình chung học tập toàn khóa đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10, đối với thí sinh đã được đào tạo theo hình thức niên chế) hoặc điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4, đối với thí sinh đã được đào tạo theo hình thức tín chỉ).

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu VB2 (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	22	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ đại học đối với người học VB2 (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	50	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ đại học đối với người học VB2 (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	26	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ đại học đối với người học VB2 (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).
Tổng					98	

3.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Thời gian để sinh viên hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo của hệ VLVH dài hơn thời gian đào tạo hệ chính quy tối thiểu là 20%.

- Nhà trường tổ chức đào tạo hệ VHVL vào thời gian ngoài giờ hành chính.

3.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển.

a. Quy định về hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường).
- Bằng tốt nghiệp Đại học (bản sao công chứng).
- Bảng điểm tốt nghiệp Đại học (bản sao công chứng).
- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao công chứng).
- Học bạ THPT nếu cần (bản sao công chứng).
- Căn cước công dân (bản sao công chứng).
- 02 ảnh 4 x 6 (ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng ký dự thi ở mặt sau).

b. Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

c. Thời gian nộp hồ sơ

+ Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

3.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm, dự kiến như sau:

- Đợt 1: 7/2025;
- Đợt 2: 8/2025;
- Đợt 3: 10/2025;

3.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

3.9. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

3.10. Học phí dự kiến:

- Áp dụng theo Quyết định số 796/QĐ-ĐHTĐHN ngày 06/5/2025 Về mức thu học phí năm học 2025-2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

3.10.1. Mức học phí theo tín chỉ

TT	Khối ngành	Mức học phí (nghìn đồng/tín chỉ)
1	KN I: Khoa học GD và đào tạo giáo viên	513,45
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	513,45
3	KN V: Toán, CNTT, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật	597,45
4	KN VII: Nhân văn, KHXH và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	546,00

3.10.2. Mức học phí theo niên chế

TT	Khối ngành	Mức học phí (nghìn đồng/tín chỉ)
1	KN I: Khoa học GD và đào tạo giáo viên	1.669,50
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.669,50
3	KN V: Toán, CNTT, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật	1.942,50
4	KN VII: Nhân văn, KHXH và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.774,50

3.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển

+ Website trường: <https://hnmu.edu.vn>.

+ Website Trung tâm: <https://cpdca.hnmu.edu.vn>

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnmu.edu.vn>.

+ Điện thoại: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).

+ Email: tttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnmu.edu.vn.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học theo thông báo và phải trình nộp bản gốc bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất để kiểm tra. Hết thời hạn xác nhận nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

4. Thông tin về tuyển sinh 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	500	40	31	18.21				
2.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	160	142	19.15	75	75	19.00	
3.	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	500	114	114	18.00	363	363	19.50	
4.	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	200	6	6	24.39				
5.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	SP Toán học	200	21			12	06	19.00	
6.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	SP Toán học	500		19	15.75				
7.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	200	39	12	20.60	15	03	19.00	
8.	7140605	Logistics và chuỗi quản lý cung ứng	7140605	Logistics và chuỗi quản lý cung ứng	200				40	01	18.00	
9.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	33	5	20.80	33	03	18.00	
10.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	200	27	1	21.40	40	01	18.00	
11.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	39	39	19.14	33	19	19.50	
12.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	200	30	1	22.90				
13.	7140206	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	406	28	7	18.30				
14.	7340403	Quản lý công	7340403	Quản lý công	200	15	4	20.10				
15.	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	27	1	23.00				
16.	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn	200	27	1	21.40				

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2025

Cán bộ tuyển sinh

HIỆU TRƯỞNG





Trịnh Thanh Tùng

Số điện thoại: 0904 597 666

Địa chỉ email: ttung@daihocthudo.edu.vn

Đỗ Hồng Cường